TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 24-02-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu

2. Ông Lê Phú Chánh Thể

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 603/2024/TLST–DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hùng H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 541/4/9/2 tỉnh lộ 10, tổ 72, khu phố A, phường B, quận T, Thành phố M.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 116 ấp Kinh Ngoài, xã H, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Hùng H trình bày:

Do quen biết với nhau nên ông có cho ông S vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 11/01/2023, ông cho ông S vay số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng); thời hạn vay là 01 năm, về lãi suất thì hai bên tự thỏa thuận; mục đích vay tiền để làm ăn. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Hải, địa chỉ Số 02 - 02A, đường số 7, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo số công chứng 000219, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 11/01/2023.

Lần 2: Vào ngày 11/03/2023, ông cho ông S vay số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm, về lãi suất thì hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay tiền để làm ăn. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và có cộng chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Hải, địa chỉ Số 02 - 02A, đường số 7, phường An

Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo số công chứng 001556, quyển số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 11/03/2023.

Lần 3: Vào ngày 17/10/2023, ông cho ông S vay số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng); thời hạn vay là 24 tháng, về lãi suất thì hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay tiền để làm ăn. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Hải, địa chỉ Số 02 - 02A, dường số 7, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo số công chứng 007761, quyển số 10/2023/TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 17/10/2023.

Tổng cộng 03 lần ông cho ông S vay với số tiền là: 55.000.000 (năm mươi lăm triệu đồng). Đối với khoản vay ngày 11/01/2023 và khoản vay ngày 11/03/2023, ông S đóng lãi cho ông đến tháng 12/2023, thì ngưng không đóng lãi nữa và hiện cũng đã quá thời hạn hoàn trả lại số tiền vốn vay. Đối với khoản vay ngày 17/10/2023, ông S đóng lãi đến đầu tháng 12/2023, thì sau đó cũng ngưng không đóng lãi nữa. Đến thời điểm hiện tại, ông S vẫn không hoàn trả cho ông số tiền đã vay trên. Mặc dù, ông đã rất nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay nhưng ông S vẫn luôn trốn tránh và cố tình không trả nợ. Nhận thấy hành vi của ông S đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông S đều vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Ông S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H.

Tại phiên Toà, ông H rút yêu cầu đối với yêu cầu ông S trả số tiền vốn vay 30.000.000 đồng vào ngày 17/10/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* ông Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. Ông H cho rằng do có quan hệ bạn bè quen biết với nhau nên giữa ông và ông Nguyễn Văn S có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Ngày 11/01/2023 ông cho ông S vay số tiền 10.000.000 đồng; ngày 11/3/2023 ông cho ông S vay số tiền 15.000.000 đồng; ngày 17/10/2023 ông cho ông S vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích của các lần vay tiền là để có vốn làm ăn, thoả thuận lãi suất 1,66/tháng. Các lần vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Hải. Đến thời hạn trả tiền thì ông S không thực hiện trả nợ. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền vốn vay là

25.000.000 đồng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng thì khi đến hạn trả nợ mà ông S không thực hiện thì ông sẽ khởi kiện ông S bằng vụ án khác.

Do bị đơn ông S vắng mặt nên việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

03 Hợp đồng vay tiền ngày 11/01/2023; ngày 11/3/2023; ngày 17/10/2023 có công chứng theo quy định pháp luật và điều có chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Văn S dưới mục "Bên B" (bên vay).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do. Ông S không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà ông H đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa ông H và ông S là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên. Phía ông S đã nhận đủ số tiền vay của ông H, có ký tên xác nhận nợ nhưng ông S không thực hiện việc trả nợ theo yêu cầu của ông H. Xét thấy, ông S đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên ông H có yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn vay 25.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. *Về lãi suất:*

Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn vay từ ngày 12/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất 1,66%/tháng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông S trả cho ông H số tiền lãi của số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: (25.000.000 đồng x 1,66%/tháng) x 14 tháng 12 ngày = 5.976.000 đồng.

Từ những phân tích trên, buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Hùng H số tiền vốn vay là 25.000.000 (hai mươi lăm) triệu đồng và 5.976.000 (năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.976.000 (ba mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

[2.3]. Ông S rút yêu cầu đối với số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí là 1.548.800 đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên ông H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hùng H đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Hùng H số tiền vốn vay là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng và 5.976.000 (năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.976.000 (ba mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.548.800 (một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Hùng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho ông Hùng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.540.000 (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0007435 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Ngọc Diệu	**Lê Phú Chánh Thể**	**Lê Thị Hồng Đang**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang